TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 23/2020/QĐST-HNGĐ	*Hà Tĩnh, ngày 05 tháng 8 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH
(V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn)

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Th phần giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

Chủ tọa phiên họp: Bà Trần Thị Thu H - Thẩm phán.

Thư ký phiên họp: Bà Trương Thị Minh H

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Hải Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, mở phiên họp công khai giải quyết việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 54/2020/TLST-HNGĐ ngày 26/6/2020 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", theo Quyết định mở phiên họp số 21/2020/QĐ-ST ngày 23 tháng 7 năm 2020 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

1. Người yêu cầu thứ nhất: Chị Lê Thị Thu H; sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn Long Yên, xã Đăk Long, huyện Đắc Glai, tỉnh Kon Tum (có đơn xin vắng mặt).

2. Người yêu cầu thứ hai: Anh Lê Văn Th, SN 1985; Hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh: Tổ dân phố 4, thị trấn Vũ Quang, huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang làm việc tại Cộng hòa Liên bang Đức (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

Theo đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con và tài sản của chị Lê Thị Thu H có nội dung như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Văn Th tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 06/01/2014 tại UBND thị trấn vũ Quang, huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc được khoảng 5 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hòa hợp, thường xảy ra cãi vã bất đồng quan điểm. Vợ chồng sống ly thân một thời gian thì đến tháng 7 năm 2019 anh Th sang Đức làm việc và sinh sống. Kể từ đó vợ chồng không thường xuyên liên lạc với nhau, vợ chồng sống xa nhau, tình cảm không còn nữa, không quan tâm đến nhau. Chị xét thấy tình cảm không

còn, không mong muốn tiếp tục duy trì quan hệ vợ chồng nên cả hai đã bàn bạc thống nhất thuận tình ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung là Lê Linh C sinh ngày 08/02/2015; Lê Kim K sinh ngày 02/9/2016. Chị H có nguyện vọng nuôi 2 con và không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Lê Văn Th gửi văn bản trình bày ý kiến của mình về việc ly hôn gửi Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh có nội dung giống trình bày của chị Lê Thị Thu H về quan hệ hôn nhân, con chung cũng như tài sản chung. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên có đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn với chị Lê Thị Thu H. Ngoài ra, do điều kiện công việc làm ở xa cũng như tình hình dịch bệnh trên thế giới phức tạp nên anh yêu cầu được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết việc ly hôn. Tòa án đã T hành xác minh tại địa phương anh Th cư trú trước khi xuất cảnh; làm việc với bố đẻ anh Th là ông Lê Kim T để xác minh nội dung trong đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, bản tự khai của anh Th gửi cho Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh. Ông T xác nhận chữ viết và chữ ký trong đơn là của anh Th và nội dung anh Th trình bày trong đơn là đúng sự thật. Ông đề nghị quá trình giải quyết vụ án mọi giấy tờ thủ tục tố tụng Tòa án gửi về cho ông để ông thông báo cho anh Th biết. Trước đây anh Th đề nghị gửi về cho anh Lê Quang Trung nhưng anh Trung công tác xa nên ông sẽ nhận thay anh Th.

Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận thống nhất được với nhau đã đề nghị Tòa án áp dụng Điều 369, Điều 370 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 51, 55, 57, 81, 123, 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/2016/UBTVQHH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc Hôn nhân gia đình đã được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến trình bày của đương sự và đại diện Viện kiểm sát; Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

Anh Lê Văn Th hiện lao động và sinh sống tại nước Cộng Hòa Liên bang Đức, số hộ Cếu C 6668525, lần xuất cảnh gần đây nhất là ngày 05/72019 và chưa có thông tin nhập cảnh trở lại. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã thụ lý vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định tại Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do điều kiện công việc nên anh Th yêu cầu được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ việc và các tài liệu liên quan đến vụ án đề nghị Tòa án gửi về cho anh trai là Lê Quang Trung nhận. Chị H vì lý do ở xa nên làm đơn xin được vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 367 Bộ luật Tố tụng

dân sự năm 2015, Tòa án T hành mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình vắng mặt chị H, anh Th theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thu H và anh Lê Văn Th đã tuân thủ các điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn ngày 06/01/2014 tại UBND thị trấn vũ Quang, huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ quy định tại Điều 9, Điều 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 thì đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng của chị H, anh Th kéo dài được 05 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân một thời gian sau đó anh Th sang Đức sinh sóng và làm việc. Từ đó hai vợ chồng sống hai nơi, không có quan hệ tình cảm gì với nhau. Hiện tại, các đương sự đều tự nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, không còn tình yêu và không mong muốn tiếp tục duy trì mối quan hệ vợ chồng nên đồng thuận ly hôn để mỗi người tự xây dựng cuộc sống mới.

Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, T bộ, hạnh phúc, các Th viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau…nhưng cuộc hôn nhân của anh Lê Văn Th và chị Lê Thị Thu H không đạt được mục đích đó.

Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định "Vợ, chồng hoặc cả hai có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn" (khoản 1 Điều 51); "Trong trường hợp vợ chồng cùng yêu cầu ly hôn, nếu xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận về việc Ca tài sản, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ và con thì Tòa án công nhận thuận tình ly hôn...."(Điều 55).

Như vậy, anh Th và chị H đã tự nguyện thỏa thuận ly hôn. Căn cứ quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình, công nhận sự thỏa thuận này của các đương sự.

[2.2] Quan hệ con chung: Vợ chồng có 2 con chung là Lê Linh C sinh ngày 08/02/2015; Lê Kim K sinh ngày 02/9/2016. Chị H có nguyện vọng nuôi 2 con và không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy nguyện vọng nuôi con của chị H là chính đáng, con từ nhỏ đến nay ở với mẹ hơn nữa anh Th hiện không ở Việt Nam nên cần giao con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp. Trong đơn đề yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn anh Th cũng đồng ý với nguyện vọng của chị H về vấn đề con chung. Xét thấy sự thỏa thuận này của chị H và anh Th là hoàn toàn tự nguyện và đúng pháp luật nên cần chấp nhận sự thỏa thuận của các bên về vấn đề con cái.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, đúng pháp luật, không vi phạm điều cấm. Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu thuận tình ly hôn của họ để mỗi người tự xây dựng cuộc sống mới.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 38, 51, 55, 57, 81, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, các Điều 149, Điều 361, 367, 369, 370, 371 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 35, 36, 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Văn Th và chị Lê Thị Thu H.

Công nhận sự thỏa thuận giao 2 con chung là Lê Linh C sinh ngày 08/02/2015; Lê Kim K sinh ngày 02/9/2016 cho chị Lê Thị Thu H chăm sóc nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con đương sự không yêu cầu nên miễn xét. Anh Th được quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện nộp 300.000đ lệ phí ly hôn sơ thẩm của chị Lê Thị Thu H (đã nộp 300.000đ tại biên lai số 0000035 ngày 26/6/2020 tại Cục thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh).

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình không có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp không có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với Quyết định này.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay.

Nơi nhận
- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- Đương sự ;
- Lưu HS, TDS.

THẨM PHÁN - CHỦ TRÌ PHIÊN HỌP

Trần Thị Thu Hiền